

TS. ĐÌNH VĂN BÌNH



Chăn nuôi

DÊ SỮA



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

TS. ĐÌNH VĂN BÌNH

CHĂN NUÔI DÊ SỮA

(Tái bản lần thứ 1)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI – 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách "Chăn nuôi dê sữa" do TS. Đinh Văn Bình biên soạn chứa đựng những nội dung rất thiết thực: Từ khâu giới thiệu giống dê sữa hiện có ở nước ta; cách chọn dê sữa để nuôi; cách quản lý, chăm sóc, chuồng trại; cách khai thác sữa để dê cho nhiều sữa trong thời kỳ cho sữa.

Sách viết dễ hiểu, nhiều hình vẽ hướng dẫn người nuôi dê sữa biết cách bắt dê, đánh số tai dê, vắt sữa dê để cho sữa nhiều mà không mắc bệnh viêm vú.... Có thể nói đây là tài liệu rất hữu ích không chỉ cho người mới bắt đầu bước vào nghề nuôi dê sữa mà còn cho nhiều người đã nuôi dê sữa lâu năm.

Nhà xuất bản Nông nghiệp xin trân trọng giới thiệu để bạn đọc tìm hiểu và áp dụng.

Nhà xuất bản Nông nghiệp

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ SỮA Ở GIA ĐÌNH

I. GIỐNG VÀ KỸ THUẬT VỀ GIỐNG DÊ

1. Giới thiệu những giống dê hiện có ở Việt Nam

- Dê địa phương (một số nơi còn gọi là “dê Cò”), có mẫu lông khá khác nhau, đa số mẫu vàng nâu hoặc đen loang trắng; trọng lượng trưởng thành 30-35kg, sơ sinh 1,7-1,9kg, 6 tháng tuổi 11-12kg; khả năng cho sữa 250-370g/ngày, với chu kỳ cho sữa là 90-105 ngày; tuổi phối giống lần đầu là 6-7 tháng, đẻ 1,4 lứa/năm, 1,3 con/lứa, tỷ lệ nuôi sống đến cai sữa 65-70%; phù hợp với chăn thả quảng canh với mục đích lấy thịt.

- Dê Bách Thảo: Là giống dê kiêm dụng sữa thịt, cho đến nay người ta cũng chưa xác định được rõ nguồn gốc của nó. Một số người cho rằng nguồn gốc của nó là con lai giữa dê British-Alpine từ Pháp với dê Ấn Độ đã được nhập vào nước ta, nuôi qua hàng trăm năm nay. Dê này có mẫu lông đen loang sọc trắng, tai to cụp xuống; trọng lượng trưởng thành 40-45kg dê cái, dê đực 75-80kg, sơ sinh 2,6-2,8kg, 6 tháng 19-22kg; khả năng cho sữa là 1,1-1,4kg/ngày với chu kỳ cho sữa là 148-150 ngày; tuổi phối giống lần đầu là 7-8 tháng tuổi, đẻ 1,7 con/lứa và 1,8 lứa/năm. Dê hiền lành, có thể nuôi nhốt hoàn toàn hoặc nhốt kết hợp chăn thả ở các vùng và đều cho kết quả chăn nuôi tốt.

- Dê Jumnapari: Là giống Ấn Độ được nhập vào nước ta từ năm 1994, có mầu lông trắng tuyết chân cao; trọng lượng trưởng thành 42-46kg, con đực 70-80kg, sơ sinh 2,8-3,5kg, 6 tháng 22-24kg; khả năng cho sữa 1,4-1,6kg với chu kỳ 180-185 ngày. Tuổi phối giống lần đầu 8-9 tháng; đẻ là 1,3 con/lứa 1,3 lứa/năm. Dê phàm ăn và chịu đựng tốt với thời tiết nóng bức.

- Dê Beetal: Cũng là một giống dê Ấn Độ, được nhập về cùng lúc với Jumnapari; mầu lông đen tuyết hoặc lông trắng, tai to dài cụp; khả năng sản xuất tương đương dê Jumnapari; phàm ăn và hiền lành.

- Dê Barbari: Là giống dê được nhập về từ Ấn Độ, có mầu lông vàng loang đốm trắng như hươu sao, tai nhỏ thẳng; trọng lượng trưởng thành từ 30-35kg; dê có bầu vú phát triển, khả năng cho sữa 0,9-1kg/ngày với chu kỳ 145-148 ngày; khả năng sinh sản tốt (đẻ 1,8 con/lứa và 1,7 lứa/năm). Dê có thân hình thon chắc, ăn rất tạp, chịu đựng kham khổ tốt, hiền lành phù hợp với hình thức chăn nuôi ở nước ta.

- Dê Alpine: Là giống dê sữa của Pháp (nuôi nhiều ở vùng núi Alpes), mầu lông chủ yếu là mầu vàng, đôi khi đốm trắng, tai nhoe thẳng; trọng lượng trưởng thành 40-42kg, con đực 50-55kg, sản lượng sữa 900-1000 lít một chu kỳ cho sữa 240-250 ngày. Dê Alpine đã được nhập vào nước ta với số lượng ban đầu là 35 con, đang được nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây và tỉnh Ninh Thuận; tình cộng rạ của giống dê này cũng được nhập về từ Pháp, đang được dùng để lai tạo với dê trong nước, bước đầu đã cho kết quả tốt.

- Dê Saanen: Là giống dê chuyên dụng sữa của Thụy Sĩ, nuôi nhiều ở Pháp và các nước châu Âu; dê có mấu lông trắng, tai vênh nhỏ; có năng suất cao 1000-1200kg sữa/chu kỳ trong 290-300 ngày. Trọng lượng con cái trưởng thành 45-50kg, con đực là 65-75kg. Giống dê Saanen cũng được nhập vào nước ta bằng tinh cọng ra, và đã dùng lai tạo với dê Bách Thảo, cho kết quả tốt. Mới đây, chúng ta nhập 25 dê Saanen về Việt Nam nuôi thử nghiệm và đang theo dõi thích nghi chúng.

- Các con lai: Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây đã tiến hành nghiên cứu hàng loạt các công thức lai giữa các giống dê. Dê Bách Thảo đực lai với dê cái Cỏ, cho con lai F_1 và F_2 . Con lai sinh trưởng và tăng trọng tốt, khả năng sinh sản và cho sữa đều cao hơn dê Cỏ từ 25-30%, có khả năng thích ứng với chăn nuôi ở nhiều vùng nước ta. Sử dụng dê đực 3 giống dê Ấn Độ lai với dê Cỏ và Dê Bách Thảo, cho con lai cũng có khả năng sản xuất cao hơn con dê Cỏ và Bách Thảo thuần. Sử dụng tinh cọng ra của dê đực Pháp lai với dê Bách Thảo, có tỷ lệ thụ thai đạt 40-45%; năng suất sữa ở con lai tăng lên được 35-40%.

2. Kỹ thuật chọn giống dê sữa

2.1. Chọn dê sữa cái giống

Cũng như các gia súc khác, khi chọn giống dê ta phải chọn qua đời trước (đồng, giống dê qua bố mẹ, ông bà), sau đó là chọn lọc qua bản thân cá thể con giống như qua ngoại hình, khả năng sản xuất, khả năng thích ứng với điều kiện chăn nuôi và cuối cùng là chọn lọc qua đời sau của chúng.

Đối với dê do khả năng sinh sản nhanh, chu kỳ sản xuất ngắn, số lượng quần thể đông, vì vậy người ta thường dựa trên các tính trạng số lượng để chọn lọc chúng. Sau đây chúng tôi xin giới

thiếu một số điểm cơ bản áp dụng trong sản xuất để chọn lọc dê cái giống sữa.

2.1.1. Ngoại hình

- Đầu và thân: Đầu rộng hơi dài trán dô, cổ dài vừa phải. mình nở rộng, ngực sâu và dài, lưng phẳng, bụng to vừa phải, hông rộng và hơi nghiêng, da mềm, lông bông mịn, bộ phận sinh dục nở nang (hình 1). Những con đầu dài, trụi lông tai, xương nhỏ, lồng ngực hẹp thì không khoẻ, hay mắc bệnh và khó nuôi.

- Tứ chi: Hai chân trước thẳng, dáng đứng nghiêm chỉnh, hông nở rộng, chân sau cứng cáp thẳng đứng, các khớp gọn, thanh, không dầy. Cần loại bỏ những cá thể có chân móng không thẳng, đầu gối chân trước dầy, chân trước không thẳng, chân sau vòng kiềng, cổ chân yếu, quá bẹt.

- Bầu vú: Bầu vú nở rộng, các phần cân đối, bầu vú gắn chặt vào bụng, gọn ở phía trước, hai núm vú dài và đưa về phía trước, nhìn phía sau bầu vú nở tròn, lông bầu vú càng mịn càng tốt, bầu vú phải treo vững, núm vú to dài từ 4-6cm. Có nhiều tĩnh mạch nổi trên bầu vú.

* Những đặc điểm ngoại hình của dê cái giống sữa tốt nên chọn làm giống:

- 1- Đầu rộng, hơi dài, rắn chắc, vẻ mặt linh hoạt.
- 2- Cổ dài, mềm mại, có cơ chắc, nổi, nhọn về phía đầu.
- 3- Lưng thẳng.
- 4- Sườn tròn và xiên về phía sau.
- 5- Có một hõm phía trước xương chậu, thể hiện khả năng tiêu hoá tốt.
- 6- Hông rộng và hơi nghiêng đảm bảo cho dê có bầu vú gắn chặt vào phần bụng.
- 7- Những mạch máu lớn nổi rõ ở phía sau, là loại vú da.

8- Khớp mắt cá thẳng tránh cho dê khi đi không làm ảnh hưởng tới các mạch máu trên đầu vú.

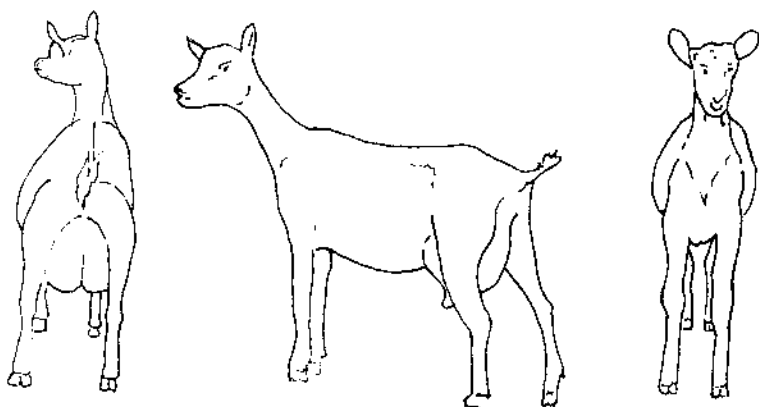
9- Những núm vú to dài từ 4-6cm treo vững vàng trên đầu vú. Bầu vú gắn chặt vào phần bụng, gọn về phía trước.

10- Thấy rõ các tĩnh mạch ở phía trước bầu vú.

11- Gân sữa (tĩnh mạch) chạy từ bầu vú lên tới nách chân trước. Gân sữa gấp khúc thì dê nhiều sữa. Ở dê cái tơ gân sữa thường lặn dưới da, phải lấy tay sờ mới thấy.

12- Chân trước thẳng, cân đối.

13- Hàm dài khoẻ.



Hình 1: Những hình ảnh ngoại hình của dê nên chọn làm giống

* Ngoại hình dê cái không nên chọn làm giống

1- Đầu dài trụi lông tai

2- Cổ ngắn, thô

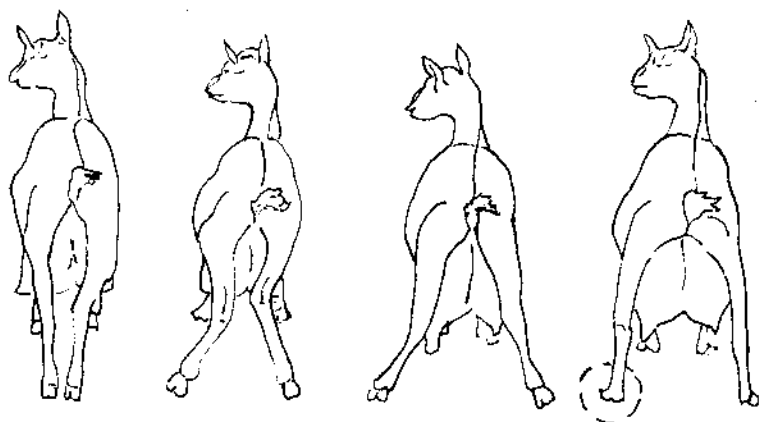
3- Sườn thẳng, nhìn ngang có hình viên gạch

4- Bụng nhỏ

5- Vú thịt (bóp bên trong thấy thịt) trông gồ ghề nhưng khi căng sữa bóp thấy cứng sữa ra ít

6- Khớp mắt cá ở hai chân gồ sát nhau khi dê đi

7- Khớp hông hẹp và dốc.



Hình 2: Những dê không chọn làm giống

2.1.2. Khả năng cho sữa

- Khả năng cho sữa là chỉ tiêu rất quan trọng đánh giá phẩm chất giống, khả năng cho sữa được tính bằng sản lượng sữa trong một chu kỳ tiết sữa (năng suất sữa hàng ngày và thời gian cho sữa). Do đó, nên chọn dê vừa có sản lượng sữa trung bình hàng ngày cao, mức sụt sữa thấp và thời gian cho sữa kéo dài. Ở nước ta, với giống dê sữa Bách Thảo những dê cái sữa nên chọn con có năng suất cao hơn 1,1 lít/ngày và thời gian cho sữa đạt tới 150 ngày trở lên để làm dê giống. Dê Barbari 1 lít/ngày và thời gian cho sữa 150 ngày, dê Jumnapari 1,2 lít/ngày và thời gian cho sữa đạt tới 180 ngày trở lên.

- Khả năng vắt sữa: Dê cái vắt sữa dễ (hiện nay trong chăn nuôi vắt sữa chủ yếu thực hiện bằng tay). vì vậy đây cũng là một vấn đề cần lưu ý trong chọn giống nhằm tăng năng suất sữa hàng hoá và về mặt thời gian.

2.1.3. Khả năng sinh trưởng phát triển và khả năng sinh sản, thể trạng và khả năng thích ứng với ngoại cảnh

- Khả năng sinh trưởng, phát triển: Khối lượng cơ thể con vật tỷ lệ thuận với năng suất sữa và thịt (trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng) nên chọn những cá thể có chỉ tiêu sinh trưởng phát triển luôn cao hơn mức trung bình đàn. chú ý ở các thời điểm sơ sinh, 6 tháng, lúc phối giống và tuổi đẻ lứa đầu.

- Khả năng sinh sản: thể hiện ở tính mắn đẻ. bởi vậy chọn dê sữa cái giống phải có: tỷ lệ thụ thai hàng năm phải đạt từ 90% trở lên, khoảng cách lứa đẻ đều đặn, số con đẻ ra, tỷ lệ nuôi sống, số đẻ con sinh ra/năm/mẹ phải đạt cao hơn trung bình giống trở lên. như dê Bách Thảo và Barbari phải đạt từ 3con/năm/mẹ; dê Beetal và Jumnapari phải đạt 1,8 con/năm/mẹ trở lên.

- Khả năng thích ứng: Dê cái có sức chống chịu cao là dê sinh nở dễ dàng, ăn tốt và chịu đựng được những điều kiện ngoại cảnh xảy ra tại nơi chăn nuôi, tỷ lệ cảm nhiễm ký sinh trùng và ốm đau thấp so với toàn đàn.

2.1.4. Dòng giống

Dòng giống là yếu tố quan trọng. Nếu chọn con giống từ những bố mẹ có lý lịch rõ ràng, khả năng sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của nhóm giống, phẩm giống. Cần lưu

ý rằng: khả năng sản xuất sữa ở dê khó xác định được theo ngoại hình và không tính quy đổi ra ngày (300 ngày) cho sữa như bò mà chủ yếu dựa vào lượng sữa thực tế đã thu được ở thể hệ bố mẹ chúng để chọn.

2.2. Chọn dê sữa đực giống

Việc chọn dê sữa đực giống chủ yếu dựa trên dòng giống, khả năng sinh trưởng và phát triển, ngoại hình, tính năng và đặc biệt là khả năng phối giống thụ thai, phẩm chất đời con sinh ra.

Ngoại hình: Dê đực có đầu ngắn, rộng, tai to, dày, dài, cụp xuống, thân hình cân đối, cổ to, ngực nở, tứ chi khỏe mạnh, cứng cáp, chắc chắn, hai tinh hoàn đều đặn, to.

Dòng giống: Chọn con đực để giống từ dê mẹ là dê cao sản, đẻ từ lứa thứ 2 đến lứa thứ 4 nghĩa là trong thời kỳ dê mẹ đang sung sức. Nên chọn dê đực làm giống là con một (tức là lứa đó dê mẹ chỉ đẻ một con) vì con một bao giờ cũng có thể trọng cao. Khả năng phối giống thụ thai ít nhất đạt từ 85% trở lên. Chọn dê bố mẹ tốt có vai trò rất quan trọng vì nó góp 50% đặc tính di truyền tiết sữa cho dê con.

2.3. Loại, thải giống

- Những cá thể không đáp ứng với những tiêu chuẩn đã trình bày ở phần chọn giống.

- Những cá thể già không có khả năng sinh sản (dê cái 7 tuổi, dê đực 8 tuổi), khả năng sinh sản và khả năng tiết sữa sút kém, không có khả năng phục hồi, bệnh tật, thể lực sút kém.

3. Kỹ thuật nhân giống dê

3.1. Nhân giống thuần chủng

Sử dụng những con dê đực tốt phối với những con cái trong cùng một giống. Trong trường hợp này nhất thiết phải sử dụng những con đực phối giống với những con cái khác bố mẹ và ông bà để tránh đồng huyết.

3.2. Nhân giống lai tạo

Sử dụng những con đực của giống này phối giống với con cái của giống khác tạo ra con lai các thế hệ khác nhau với tỷ lệ máu bố, mẹ khác nhau. Tùy theo mục đích khác nhau mà người ta có thể tiến hành lai tạo theo các phương thức và cố định chúng ở mức lai khác nhau như lai kinh tế (tạo ra F_1), lai cấp tiên, lai luân chuyển, lai lặp lại... Ở nước ta kết quả nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây cho thấy có thể sử dụng dê đực Bách Thảo, dê Jumnapari và Beetal lai với dê Cỏ cho con lai hướng sữa thịt có năng suất cao hơn rõ rệt so với dê Cỏ. Con lai giữa dê đực Barbari với dê Cỏ và Saanen, Alpine với dê Bách Thảo cho hướng sữa thịt đạt kết quả tốt.

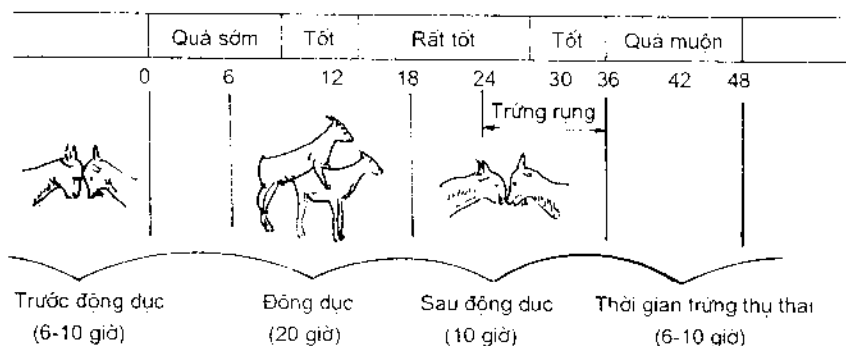
3.3. Phối giống

Ngoài việc chọn ghép đôi giao phối thích hợp, tránh đồng huyết thì cho dê giao phối đúng thời điểm là việc làm hết sức quan trọng. Thời gian động dục kéo dài của dê thường là 36-40 giờ và thời gian phối giống thích hợp sẽ là 12-13 giờ, vì vậy nên cho dê phối giống 2 lần trong ngày động dục.

Để dễ dàng kiểm tra dê cái động dục và điều khiển được việc phối giống theo ý định, người ta thường sử dụng một vài đực giống để kiểm tra, đối với dê con có thể dùng phương pháp bao

đương vật cho con đực để làm việc này. Tỷ lệ dê đực/cái thường nên là 1/10-15.

Thời điểm phối giống thích hợp



II. THỨC ĂN VÀ KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG

1. Nhu cầu dinh dưỡng của dê

1.1. Nhu cầu vật chất khô

Ở các nước nhiệt đới, người ta theo dõi thấy mỗi ngày dê cần có một lượng thức ăn tính theo vật chất khô bằng 3,5% trọng lượng cơ thể. Dê hướng thịt cần ít hơn (dưới 3%), dê hướng sữa thì cần nhiều hơn (4%). Trên cơ sở đó, chúng ta có thể tính được nhu cầu vật chất khô hàng ngày khi biết thể trọng của dê và loại thức ăn cho dê ăn. Ví dụ: Một dê cái Bách Thảo nặng 35kg thì cần lượng VCK là: $35\text{kg} \times 4\% = 1,4\text{kg}$. Với nhu cầu 65% VCK từ thức ăn thô xanh (0,91kg) và 35% từ thức ăn tinh (0,41kg), khi cho dê ăn loại thức ăn thô xanh chứa 20% VCK và thức ăn tinh chứa 90% VCK, chúng ta sẽ tính lượng thức ăn cần thiết cho dê trong ngày như sau:

- Thức ăn thô xanh: $0.91\text{kg} : 0.20 = 4.55\text{kg}$

- Thức ăn tinh: $0.49\text{kg} : 0.90 = 0.54\text{kg}$

1.2. Nhu cầu năng lượng và protein của dê

Nhu cầu về vật chất khô chỉ nói lên số lượng thức ăn, nhưng nhu cầu về chất lượng thức ăn phải được tính trên nhu cầu năng lượng và protein.

Nhu cầu tổng số năng lượng (MJ/ngày) của dê theo thể trọng được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Nhu cầu tổng số năng lượng (MJ/ngày) của dê

Thể trọng (kg)	Nhu cầu năng lượng cho duy trì	Duy trì và hoạt động ít	Duy trì và hoạt động nhiều	Duy trì và tăng trọng mức 50 g/ngày	Duy trì và tăng trọng mức 100 g/ngày	Duy trì và tăng trọng mức 150 g/ngày	Duy trì và có chữa
10	2.3	2.8	3.2	4.0	5.8	7.5	5.1
15	3.2	3.8	4.4	-	-	-	6.9
20	3.9	4.7	5.5	5.5	7.3	9.0	8.5
25	4.6	5.5	6.5	-	-	-	10.0
30	5.3	6.4	7.4	6.8	8.6	10.3	11.5
35	5.9	7.1	8.5	-	-	-	13.0
40	6.5	7.9	9.2	8.0	9.8	11.6	14.3
45	7.2	8.6	10.1	-	-	-	15.6
50	7.8	9.3	10.9	9.0	10.8	12.6	16.0
55	8.3	10.0	11.7	-	-	-	18.2
60	8.9	10.7	12.5	10.3	12.0	13.8	19.4

Xác định nhu cầu về protein với dê, người ta sử dụng đơn vị protein tiêu hoá (DCP) yêu cầu của dê/ngày. Nhu cầu protein cho duy trì, sinh trưởng và phát triển, mang thai và cho sữa được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2: Nhu cầu protein tiêu hoá của dê (g/con/ngày)

Thể trọng (kg)	Duy trì và hoạt động ít	Duy trì và tăng trọng 50g/ngày	Duy trì và tăng trọng 100g/ngày	Duy trì và tăng trọng 150g/ngày	Duy trì và có sữa
10	15	25	35	45	30
20	26	36	46	56	50
30	35	45	55	65	67
40	43	53	63	73	83
50	51	61	71	81	99
60	59	69	79	89	113

1.3. Nhu cầu nước uống của dê

Ở những nước nhiệt đới dê là con vật thứ hai sau lạc đà sử dụng nước một cách có hiệu quả nhất. Thông thường vào mùa mưa độ ẩm cao, cho dê ăn cây lá cỏ chứa 70-80% nước thì dê không đòi hỏi nhiều nước. Tuy nhiên đối với gia súc cho sữa, mang thai và ở mùa khô thì nhu cầu nước lại rất cần thiết. Lượng nước mà dê cần phụ thuộc vào giống, khí hậu, thời tiết, loại thức ăn và mục đích sản xuất. Người ta thường tính nhu cầu nước của dê bằng 4 lần nhu cầu vật chất khô trong ngày. Nhu cầu nước của dê sữa cao hơn các giống dê khác. Cứ sản xuất ra mỗi lít sữa thì dê cần 1,3 lít nước.

1.4. Xây dựng khẩu phần ăn cho dê

Trên cơ sở nhu cầu dinh dưỡng của dê, căn cứ theo trọng lượng, khả năng sản xuất, các nguồn thức ăn hiện có mà xây dựng khẩu phần ăn cho các loại dê. Yêu cầu của khẩu phần là phải đảm bảo lượng ăn được của dê cao nhất, đồng thời phải đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng cho chúng, thiếu hụt bất cứ một chất nào trong cơ cấu khẩu phần ăn uống hàng ngày dê sẽ sinh trưởng kém, thành thực chậm, giảm thể trọng, giảm lượng sữa, sinh sản kém, gây yếu, dễ mắc bệnh. Dưới đây là một vài loại khẩu phần hiện đang áp dụng nuôi dê ở nước ta:

+ Khẩu phần cho một dê sữa nặng 30kg, có năng suất sữa là 1 lít/ngày: Nhu cầu dinh dưỡng cho duy trì cần 6,4MJ và 35g protein tiêu hoá (DCP), cho sản xuất 1 lít sữa cần 5MJ và 45DCP, tổng số cần 11,4MJ và 80g DCP, VCK cần 1,2kg. Với mức dinh dưỡng trên có thể áp dụng một trong các khẩu phần ăn dưới đây:

Một số khẩu phần ăn của dê (kg/con/ngày)

Thành phần thức ăn	Khẩu phần I	Khẩu phần II	Khẩu phần III
Cỏ lá xanh	3	2,5	3
Lá mít hoặc lá cây đậu	1	1,5	1
Củ (sắn, khoai) tươi	0,5	0,5	0,5
Phụ phẩm (bã đậu, bã bia)	-	-	0,5
Tinh hỗn hợp (14-15% protein)	0,5	0,4	0,3

**Khẩu phần cho dê sữa có trọng lượng
và năng suất sữa khác nhau**

Thành phần thức ăn	Dê nặng 30kg cho 1 lít sữa	Dê nặng 40kg cho 1 lít sữa	Dê nặng 40kg cho 1,5 lít sữa	Dê nặng 50kg cho 1 lít sữa	Dê nặng 50kg cho 2 lít sữa
Cỏ lá xanh	3	3,5	4	4	4
Lá mít hoặc lá cây đậu	1	1,5	2	2	2
Tinh hỗn hợp (14-15% protein)	0,35-0,4	0,4-0,5	0,6-0,7	0,5-0,6	0,9-1,0

2. Nguồn thức ăn và kỹ thuật sử dụng thức ăn cho dê

Dê ăn được nhiều loại thức ăn như: Các loại cỏ cành lá cây, hạt ngũ cốc, phế phụ phẩm nông nghiệp.

Để đảm bảo việc cung cấp đầy đủ, cân đối về dinh dưỡng và đều đặn quanh năm về thức ăn cho nhu cầu của dê chúng ta cần phải biết:

- Nguồn thức ăn trồng cho dê theo mùa vụ cả số và chất lượng, về bãi chăn thả và chăn dắt.
- Năm được phương thức nuôi dê là chăn thả, chăn dắt hay nhốt tại chuồng
- Mùa vụ sản xuất như mùa phối giống, mùa sinh sản nhu cầu sữa, thịt dê của xã hội, ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết.
- Yêu cầu thức ăn theo các thời kỳ là bao nhiêu.
- Nguồn thức ăn bổ sung sẵn có hay không, nếu phải mua thì giá cả và điều kiện như thế nào.

Bên cạnh đó chúng ta cần phải nắm được ảnh hưởng của thức ăn đối với dê như: Thức ăn thô già cứng nhiều xơ làm giảm

lượng ăn được, mùa vụ ảnh hưởng đến chất lượng thức ăn, đến khả năng tiêu hoá, đến nhu cầu dinh dưỡng các loại như protein và nước. Mức độ cung cấp protein thấp cũng sẽ ảnh hưởng rõ rệt đến khả năng phát triển và cho sữa. Trên cơ sở đó ta rút ra được những biện pháp giải quyết tốt nhất.

2.1. Trồng các loại cây thức ăn cho dê

Phát triển trồng cây thức ăn là biện pháp chủ động nâng cao số và chất lượng thức ăn để đảm bảo đủ thức ăn quanh năm cho dê trên cơ sở hợp lý và có khoa học. Trồng cây thức ăn xanh còn có tác dụng làm giảm sự xói mòn đất, giảm bớt công chân thả, giảm sự ô nhiễm bệnh và nâng cao năng suất chăn nuôi. Trồng cây thức ăn cho dê là việc làm mới mẻ đối với nông dân, vì vậy cần phải cân nhắc kỹ đối với việc này.

Trước hết cần đổi diện tích của nông trại, chọn giống cây, cỏ để trồng. Tốt nhất nên gắn việc trồng cây thức ăn cho dê vào hệ thống nông trại, kết hợp với hệ sinh thái Vườn, Ao, Chuồng, Rừng cây (VACR) bền vững và bảo vệ được môi trường.

Có thể trồng cây thức ăn ngay trong vườn, trồng quanh nhà làm hàng rào hoặc dọc theo bờ ruộng, nếu có đồng bãi thì nên trồng theo băng xen canh với cây mầu hoặc cây ăn quả.

Một số giống cỏ, cây làm thức ăn cho dê có thể phát triển được ở nước ta:

- Cỏ hoà thảo: Cỏ ghi nê, cỏ voi, cỏ ruzi, cỏ lông para...
- Cây họ đậu: Keo đậu và điền thanh
- Cây đa mục đích: Cây Flemingia Macrophylla, keo tai tượng, keo lai, cây Trichanthera gigantea xen chuối, cây mía, cây mít, cây sung...

2.2. Chế biến và dự trữ thức ăn cho dê

Có hai phương pháp chế biến và bảo quản thức ăn thường được áp dụng là phơi khô cỏ, lá sắn, lá keo đậu, lá đậu Flemingia... và chắt ngấm ủ chua cây ngô, cỏ voi, thân lá lạc, sắn củ... có thể xử lý để làm tăng giá trị dinh dưỡng một số loại thức ăn cho dê như: xử lý ủ rơm với urê, muối và cám gạo. Sử dụng ri mật trộn với cám, bột sắn và lá cây giàu đạm chắt ngấm đã phơi khô.

2.3. Biện pháp để dê ăn được nhiều thức ăn

Thức ăn thô xanh: Nên cắt ngắn cho dê ăn. Dê thích ăn thức ăn ở độ cao, nên cần phải treo máng thức ăn lên cao trên mặt đất 0,5-0,7m. Làm sao thức ăn không rơi xuống đất. Ngoài sân chơi hay trong chuồng nuôi nhốt nên có máng ăn rộng để tất cả dê có thể ăn cùng một lúc và dê ăn được dễ dàng.

Thức ăn củ quả: Nên sát thành miếng mỏng cho dê dễ ăn, không nên nghiền nhỏ hay để cả củ quả nguyên.

Thức ăn bổ sung như khoáng, muối nên làm thành tảng treo bên lồng chuồng cho dê liếm.

III. KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Chăm sóc nuôi dưỡng dê con từ sơ sinh đến cai sữa (90 ngày tuổi)

1.1. Giai đoạn bú sữa đầu (từ sơ sinh đến 15 ngày tuổi)

Dê con sau khi đẻ được lau khô mình, cắt rốn xong, vuốt sạch máu ra phía ngoài và cắt cuống rốn 3-4cm. Cần đưa dê con vào nằm ở ổ lót rơm rạ cho ấm bên cạnh mẹ. Sau khi đẻ 20-30 phút cho dê con bú sữa đầu ngay, vì trong vòng 3-7 ngày đầu sữa dê

mẹ có nhiều dinh dưỡng, nhất là kháng thể giúp cho dê con mau lớn và tránh được các bệnh về tiêu hoá.

Nếu dê con mới đẻ yếu cần giúp dê con tập bú, hoặc vắt sữa đầu cho dê con bú bằng bình 3-4 lần/ngày. Nếu dê mẹ không cho con bú thì phải ép cho bú bằng cách giữ chặt dê mẹ vắt bỏ tia sữa đầu rồi vắt ít sữa vào miệng dê con cho quen dần, sau đó giữ nguyên cho con bú no, tiếp tục làm như vậy cho đến khi dê mẹ chịu cho dê con bú trực tiếp. Chú ý trong 3-4 ngày đầu dê con còn yếu nên phải hướng dẫn cho dê con bú đều cả hai vú dê mẹ, nếu để dê chỉ bú một vú, thì vú còn lại sẽ cương sữa, dê mẹ sẽ đau và không cho con bú nữa, dẫn đến viêm vú dê mẹ và dê con sẽ không có sữa để bú.

1.2. Giai đoạn sau 15 ngày đến 45 ngày

Tách dê con khỏi dê mẹ để vắt sữa dê mẹ. Thông thường vắt sữa 2 lần/ngày vào buổi sáng và chiều đối với dê có sản lượng sữa trên 1 lít. Dê con được cho vào bú dê mẹ ngay sau khi vắt sữa để khai thác hết sữa của con mẹ, sau đó cho dê con bú thêm 300-350ml (2-3 lần/ngày), tùy theo lượng sữa mà con con đã bú được trực tiếp từ con mẹ, nhưng phải đảm bảo tổng lượng sữa bú được trong ngày 450-600ml/con (có thể xác định lượng sữa con con bú được bằng cách cân dê con trước và sau khi bú mẹ) trên cơ sở lượng sữa bú được từ con mẹ mà tính lượng sữa cần cho con con bú thêm bằng bình.

Đối với chăn nuôi gia đình và với dê cho sữa dưới 1 lít/ngày thì áp dụng phương thức tách dê con khỏi dê mẹ ban đêm (từ 5 giờ chiều nay đến 6 giờ 30 sáng hôm sau) vắt sữa 1 lần/ngày vào buổi sáng, sữa thu được là sữa hàng hoá, sau đó là cho con con theo bú mẹ cả ngày không cần cho bú thêm sữa mẹ bằng bình nữa.

1.3. Giai đoạn từ 46-90 ngày tuổi

Trong giai đoạn này cần cho dê uống 600ml sữa, rồi giảm dần xuống 400ml sữa nguyên chất/con/ngày, chia thành 2 lần. Sữa dê nguyên chất hay sữa thay thế cần được hâm nóng 38-40°C, núng vú, bình vú, chai đựng sữa phải tiệt trùng trước và sau khi cho dê bú, lau khô sạch nền chuồng sau khi dê con bú.

1.4. Từ 11 ngày tuổi trở đi

Từ 11 ngày tuổi trở đi, nên bắt đầu tập cho dê con ăn các loại thức ăn dễ tiêu như: Chuối chín, bột ngô, bột đỗ tương rang, đặc biệt là các loại cỏ lá non, khô sạch... Từ 24 ngày đến 45 ngày tuổi, thì nên cho dê ăn 30-35g thức ăn tinh. Trong giai đoạn 46-90 ngày tuổi thì cho ăn 50-100g thức ăn tinh. Lượng thức ăn tăng dần đến hết 3 tháng tuổi khi dê con tự ăn không cần đến sữa mẹ, thoả mãn nước uống sạch cho dê con.

1.5. Những dê con còi cọc, suy dinh dưỡng

Những dê này cần được cho ăn thêm premix khoáng, sinh tố hoặc loại bỏ giết thịt dê đực không đủ tiêu chuẩn giống để tránh lãng phí.

1.6. Chăm sóc dê con

Thường xuyên quét dọn chuồng trại khô sạch, cho dê vận động ngoài sân chơi hoặc bãi chăn thả gần chuồng, nhất thiết không cho dê con theo mẹ đi chăn ngoài bãi xa trong giai đoạn từ sơ sinh đến cai sữa.

1.7. Giai đoạn từ sơ sinh đến cai sữa

Trong thời kỳ dê con theo mẹ, dê thường hay mắc bệnh về đường hô hấp do lạnh, nên phải giữ ấm lót ổ cho dê con nằm.

đặc biệt giai đoạn này dễ cảm nhiễm rất mạnh với bệnh viêm loét miệng truyền nhiễm và lây lan rất nhanh, nhất là vào dịp mưa phùn độ ẩm cao, vì vậy phải luôn giữ cho sàn chuồng, ổ lót khô ráo. Khi phát hiện dê con mắc bệnh phải cách ly kịp thời vì bệnh do virus gây nên, kháng sinh sẽ không có hiệu lực. Điều trị bệnh này bằng cách rửa sạch vết loét bằng một số thuốc sát trùng như cồn iốt 10%, bôi thuốc mỡ kháng sinh, thuốc oxytetracyclin có tác dụng trị bệnh thứ phát xuất hiện.

2. Chăm sóc nuôi dưỡng dê hậu bị giống

Cần chọn lọc những dê cái, dê đực sinh trưởng phát dục tốt, có ngoại hình đẹp sau cai sữa để chuyển sang nuôi hậu bị:

- Nuôi dê hậu bị theo khẩu phần quy định để tăng khả năng sinh trưởng phát triển cơ thể hợp lý, không nên vỗ béo bằng thức ăn giàu năng lượng như: ngô, sắn, gạo, tinh hỗn hợp. Cho ăn đầy đủ thức ăn thô xanh (2-5kg/ngày) bằng 75-80% VCK tổng khẩu phần ăn hàng ngày, phần còn lại bổ sung bằng thức ăn tinh và phụ phẩm nông nghiệp.

- Đối với các loại thức ăn mới, các phụ phẩm nông công nghiệp cần tập ăn và tăng dần từ ít đến nhiều để phù hợp với khả năng tiêu hoá của dê, thường một ngày cho ăn 0,1-0,5kg/con.

- Cung cấp đủ nước sạch cho dê, tạo điều kiện cho dê có chỗ để vận động 3-4 giờ/ngày, vệ sinh khô sạch sàn chuồng, nền chuồng, sân chơi, máng ăn, máng uống hàng ngày. Riêng dê đực con để làm giống cần chăm sóc riêng, sau 3 tháng phải nuôi tách riêng và chỉ cho giao phối khi dê đạt 11-12 tháng tuổi.

- Giai đoạn đầu của thời kỳ nuôi dê hậu bị và thời kỳ chuyển tiếp từ giai đoạn dê bú sữa mẹ sang tự hoàn toàn thu nhận từ thức

ăn, vì vậy giai đoạn này dê con thường hay mắc bệnh về đường tiêu hoá như tiêu chảy, chướng bụng đầy hơi, để phòng các bệnh này cần phải vệ sinh sạch sẽ nguồn thức ăn nước uống, sàn chuồng, sân chơi của dê, nếu dê mắc các chứng bệnh này cần phải điều trị kịp thời bằng biện pháp cơ học và thuốc thú y.

3. Chăm sóc nuôi dưỡng dê cái sinh sản

3.1. Phối giống cho dê

- Đối với dê cái nên cho phối giống lần đầu khi dê đạt tuổi và trọng lượng tối thiểu cần thiết, như dê Bách Thảo thường 7-9 tháng tuổi khối lượng phải đạt 19-20kg. Trong thực tế sản xuất bằng cách bỏ qua 2 lần động dục đầu tiên của dê cái, sau đó mới phối giống. Đối với dê cái đang sinh sản, thường sau khi đẻ 1,5-2 tháng dê đã phục hồi sức khỏe mới cho phối giống lại.

- Tuyệt đối không cho dê đực phối giống với dê cái có quan hệ là anh chị em ruột hoặc là con cháu của dê đực giống đó.

- Chu kỳ động dục của dê là 19-21 ngày, động dục kéo dài từ 1-3 ngày, khi động dục âm hộ hơi sưng đỏ hồng, chảy dịch nhầy, kêu la bỏ ăn, nhảy lên lưng con khác, nếu đang tiết sữa thì giảm sữa đột ngột. Sau khi phát hiện được triệu chứng dê động dục bằng cách quan sát theo dõi hoặc sử dụng dụng cụ đeo bao dương vật phát hiện thì sau 18-36 giờ cho dê giao phối là thích hợp. Trong sản xuất thường khi phát hiện dê động dục ngày hôm nay thì sáng sớm hôm sau cho giao phối 2 lần vào buổi sáng và chiều là phù hợp.

- Phải có sổ theo dõi phối giống để ghi chép ngày phối, kết quả phối giống và dự định ngày dê đẻ để đỡ dê cho dê.

3.2. Dê cái mang thai

Sau khi phối giống theo dõi nếu đến chu kỳ động dục bình thường (21-23 ngày) mà không thấy dê động dục trở lại là có thể dê đã thụ thai. Thời gian mang thai của dê trung bình là 150 ngày (biến động từ 145-157 ngày) vì vậy phải chuẩn bị đỡ dê cho dê trước 140 ngày.

Khi dê có chửa, nhu cầu dinh dưỡng của dê tăng dần lên đặc biệt ở 2 tháng cuối cùng dê cái chịu kiểm ăn hơn, phàm ăn hơn bình thường, biểu hiện ở thể trạng bên ngoài là lông mượt và tăng cân. Cần đáp ứng đủ số lượng và chất lượng thức ăn để dê nuôi thai tốt và có nhiều sữa sau khi sinh.

Đối với dê đang cho sữa, thì tuổi thai càng lớn, lượng sữa của dê mẹ khai thác càng giảm để bào thai phát triển tốt và tránh được sản lượng sữa giảm ở các chu kỳ sau.

* **Chú ý:** Cho dê cạn sữa từ từ bằng cách giảm dần số lần vắt sữa như ngày 1 lần, rồi 2 ngày 1 lần, 3 ngày 1 lần và cắt hẳn...

Không chăn dê quá xa chuồng và tránh dòn đuổi, đánh đập dê, tuyệt đối không nhốt dê dục giống trong đàn cái đang chửa.

Đối với dê chửa lần đầu cần xoa bóp nhẹ bầu vú để kích thích tuyến sữa phát triển và tập cho dê quen dần với việc vắt sữa sau này.

Dự tính ngày dê đẻ để chuẩn bị trực, chủ động đỡ đẻ và chăm sóc dê con sơ sinh được chu đáo.

3.3. Dê đẻ

- Dê sắp đẻ nên nhốt riêng từng con ở chuồng đã vệ sinh tiêu độc khô, sạch, kín ấm và yên tĩnh.

- Trước khi đẻ 5-10 ngày nên giảm bớt thức ăn tinh ở những dê cái có năng suất sữa cao để tránh viêm vú, sốt sữa.

- Có người trực đẻ đẻ, chuẩn bị cũi, lót ổ nằm cho dê con sau khi sinh và các loại dụng cụ như cùn lột, giẻ lau, kéo, chỉ để cắt rốn cho dê sơ sinh.

- Dê sắp đẻ có những biểu hiện: Dê khó chịu, đi dái luôn, bầu vú và âm hộ sưng đỏ, bụng sa, bầu vú căng. Âm hộ có dịch đặc chảy thành dòng và xuất hiện bọc nước ối là dê sắp đẻ. Khi nước ối vỡ ra là dê đẻ. Bình thường thai sẽ được đẩy ra từ từ theo nhịp rặn của dê mẹ. Thường đẻ đẻ từ 1-4 giờ tùy theo số lượng thai và vị trí thai.

- Nếu dê con đang ra mà bị kẹt, khó đẻ, dê mẹ thường kêu la, cần hỗ trợ bằng cách đưa tay đã sát trùng vào đẩy thai theo chiều thuận, khi lôi thai ra cần cẩn thận, hai tay nắm phần thân phía ngoài kéo nhẹ ra theo nhịp rặn của dê mẹ.

Điều quan trọng trước khi can thiệp là xác định đúng vị trí ngôi thai hiện tại.

- Khi đẻ con được ra ngoài, dê mẹ tự liếm con, song vẫn phải lấy khăn sạch, mềm, khô lau hết nhớt từ miệng, mũi, tai, mình, 4 chân của dê. Sau đó vuốt sạch máu từ cuống rốn trở ra phía ngoài, dùng dây chỉ chắc thắt chặt cuống rốn cách bụng khoảng 3-4cm, dùng dao sắc hay kéo cắt cuống rốn phía ngoài 1-1,5cm rồi sát trùng bằng cồn Iốt 5% hoặc dung dịch oxy già. Sau khi đẻ hết con (khoảng 30 phút đến 4 giờ) nhau ra, không để dê mẹ ăn nhau. Trường hợp đẻ khó hoặc sau đẻ 4 giờ mà nhau vẫn chưa ra thì mời bác sỹ thú y can thiệp. Dê mẹ đẻ xong cho uống nước ấm có pha muối 0,5% hoặc nước đường 5-10%. Hàng ngày cho dê mẹ ăn thức ăn thô, xanh non, thức ăn tinh chất lượng tốt theo

khẩu phần xác định. Không cho dê mẹ ăn quá nhiều thức ăn tinh và củ quả để tránh dê bị chướng bụng đầy hơi.

- Sau đó, rửa sạch bầu vú và âm hộ, vệ sinh khô sạch nơi dê vừa đẻ. Trường hợp nếu dê mẹ sưng nầm sữa thì chườm nước nóng và vắt sữa cho khỏi tắc các tia sữa.

4. Chăm sóc nuôi dưỡng dê vắt sữa

4.1. Nuôi dưỡng tốt và chăm sóc chu đáo

Nuôi dưỡng tốt và chăm sóc chu đáo dê sữa sẽ cho năng suất cao.

a) Đảm bảo đủ tiêu chuẩn, khẩu phần của dê sữa:

Ưu tiên cho dê mẹ ăn thức ăn thô xanh non, ngon, chất lượng tốt, bổ sung thêm protein thô từ 15-17%, thức ăn tinh hỗn hợp, premix khoáng sinh tố và muối ăn. Lựa chọn các loại thức ăn mà dê ưa thích để có nhiều sữa.

b) Dê có năng suất sữa trên 2 lít/con/ngày (ở tháng thứ 1 và tháng thứ 2) cần cho ăn và vắt sữa 2-3 lần/ngày.

c) Cho uống nước sạch thoải mái (từ 3-5 lít/con/ngày) yêu cầu nước sạch có thường xuyên ở các máng trong chuồng và ngoài sân chơi. Bổ sung thường xuyên premix khoáng cho dê 0,5kg/tháng/con trong suốt thời gian vắt sữa.

d) Tạo điều kiện để cho dê vận động ở sân chơi hoặc bãi chăn khô ráo gần chuồng nuôi 3-5 giờ ngày, kết hợp xoa chải, bắt ve rận.

e) Theo dõi sự thay đổi khối lượng của dê mẹ. 1-2 tháng đầu dê mẹ sẽ sụt trọng lượng từ 5-7% những từ giữa tháng thứ 2 dê sẽ hồi phục dần và ổn định khối lượng. Nếu nuôi dưỡng không tốt, thiếu khoáng, hao hụt khối lượng dê mẹ hồi phục chậm, sản

lượng sữa sẽ giảm, dê không động dục trở lại, đôi khi sẽ bị bệnh bại liệt.

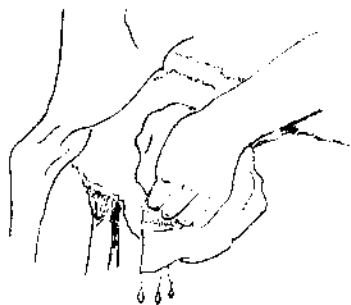
g) Dê cho sữa nhất là con cao sản thường dễ bị bệnh viêm vú, vì vậy hàng ngày khi vắt sữa phải quan sát theo dõi tình trạng con vật, bầu vú, màu sắc mùi vị của sữa, nếu thấy khác thường cần can thiệp kịp thời bằng biện pháp chườm nước nóng, xoa bóp bằng nước muối ấm 10%, dán cao tan hoặc bằng các biện pháp thú y thông thường khác.

4.2. Kỹ thuật vắt sữa

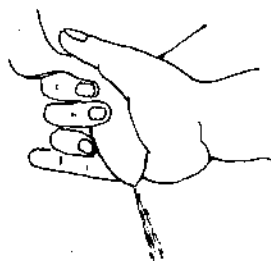
Mỗi lần vắt sữa phải thao tác đúng quy trình vắt sữa, đặc biệt vệ sinh bầu vú trước và sau khi vắt hết sữa, phải lau sạch núm vú, tránh xây xát núm vú và bầu vú.



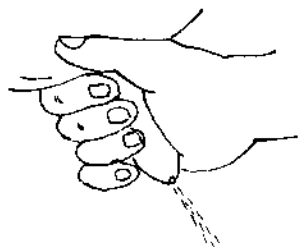
1- Rửa sạch tay và bầu vú dê trước khi vắt sữa



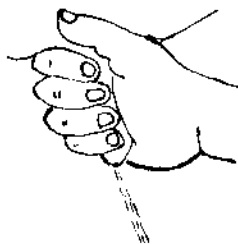
2- Nắm núm vú bằng ngón tay cái và trỏ



3- Nắm chặt các ngón tiếp theo



4- Nắm toàn bộ núm vú bằng ngón tay bỏ tia sữa đầu



5- Bóp chặt cả bàn tay



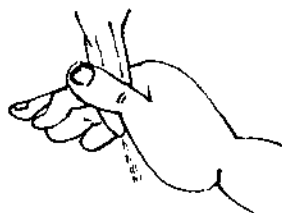
6- Thả bàn tay cho sữa xuống núm vú



7- Thứ tự vắt lặp lại như trên



8- Vắt ngón trỏ và cái



9- Vuốt từ trên xuống dưới cho hết sữa trong núm vú

5. Chăm sóc dê đực giống

Dê đực giống được nuôi nhốt tách riêng khu dê cái vắt sữa. Vừa tạo thêm tính hăng cho nó vừa tránh mùi hấp thụ vào sữa.

Thông thường một dê đực nặng 50kg 1 ngày cho nó ăn 4kg cỏ xanh; 1,5kg lá cây giàu protein; 0,4kg thức ăn tinh. Nếu muốn phối giống 3 lần 1 ngày cho ăn thêm 0,3kg rau rã hoặc 1-2 quả trứng gà. Luôn chú ý bổ sung đủ khoáng đa và vi lượng cho dê bằng cách làm tảng đá liếm cho dê ăn thường xuyên, thường xuyên cho dê vận động tuần hai lần cùng với việc tắm chải khô cho dê. Có sổ theo dõi hiệu quả phối giống của từng đực giống để tránh quá khả năng sản xuất của chúng. Khi khả năng phối giống của dê đạt dưới 60% và tuổi quá 6 năm thì nên thải loại chúng.

KỸ THUẬT QUẢN LÝ DÊ SỮA

I. CÁC PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI DÊ Ở GIA ĐÌNH

Phương thức chăn nuôi dê được thể hiện bằng chế độ nuôi dưỡng và biện pháp quản lý đàn dê trong suốt quá trình chăn nuôi. Chăn nuôi dê ở gia đình nước ta có thể áp dụng theo một trong ba phương thức sau:

1. Nuôi dê thâm canh

Nếu nuôi dê lấy sữa hoặc kiêm dụng sữa, thịt, nhất là ở những nơi không có điều kiện chăn thả, thì có thể áp dụng phương thức nuôi thâm canh. Dê được nhốt trong chuồng hoàn toàn và được đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo từng thời kỳ sản xuất. Nguồn thức ăn nuôi dê thâm canh bao gồm các loại thức ăn như tinh hỗn hợp giàu dinh dưỡng, nắm thức ăn rĩ mặt và tảng đá liếm bổ sung khoáng, muối; thức ăn thô như lá cây, cỏ tự nhiên hay cỏ trồng như: cỏ voi, cỏ ghi nê; các loại lá cây giàu protein như cây keo đậu (*Leucaena*), chè Colombia (*Trichantera gigantea*), cây đậu Philippin (*Flemingia congesta*)... Rơm, ngọn, lá hoặc thân

cây mía và các phế phụ phẩm nông nghiệp khác đều là nguồn thức ăn tốt cho dê. Việc chọn lọc, loại thải con giống và ghép đôi giao phối trong đàn dê giống phải dựa trên cơ sở ghi chép theo dõi kết quả sản xuất của cá thể nhằm từng bước nâng cao năng suất của đàn giống.

2. Nuôi dê bán thâm canh

Đây là phương thức nuôi dê phổ biến và phù hợp nhất trong điều kiện chăn nuôi ở nước ta. Dê được nuôi theo kiểu chân đất hoặc cột buộc luân phiên ở khu vực quanh nhà, hoặc nuôi nhốt kết hợp với chăn thả. Ngoài các loại cỏ lá, rể cây tự nhiên mà dê tự kiếm được khi chăn thả, chúng còn cung cấp một lượng thức ăn tinh hỗn hợp nhất định. Các loại thức ăn bổ sung khoáng, muối, protein và cỏ, lá hoặc phế phụ phẩm nông nghiệp khác cũng được cung cấp tại chuồng vào ban đêm. Với phương thức này chúng ta có thể quản lý cá thể được đối với hướng nuôi dê kiêm dụng sữa, thịt trong quy mô nhỏ.

3. Nuôi dê quảng canh

Những nơi có đồi, bãi, rừng cây rộng lớn thì có thể áp dụng phương thức này. Dê được chăn thả hoàn toàn, chúng tự tìm kiếm và chọn lọc những loại thức ăn tự nhiên đa dạng. Đôi khi cần bổ sung thêm ít sắn, khoai, cám, ngô, và cỏ lá tại chuồng. Việc quản lý đàn dê và công tác giống không được tiến hành theo cá thể. Nuôi dê theo phương thức quảng canh sẽ cho năng suất thấp nhưng vốn đầu tư về giống, thức ăn sẽ thấp hơn nhiều. Phương thức này thường được áp dụng để nuôi dê lấy thịt (giống dê Cỏ và dê lai).

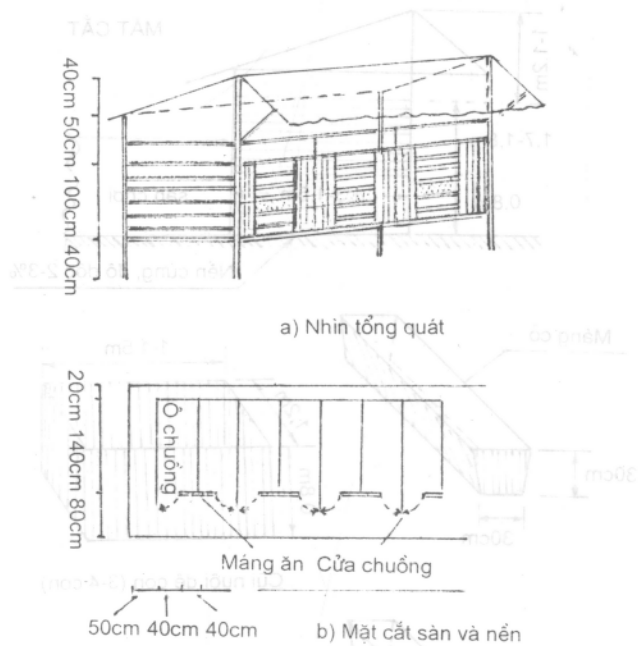
II. CHUỒNG TRẠI NUÔI DÊ

1. Chuồng dê

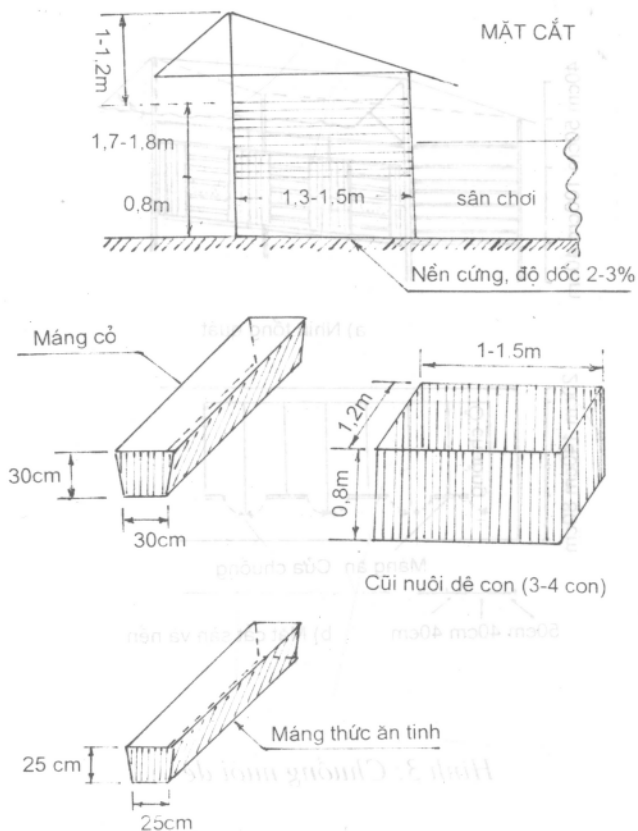
Nhà nuôi dê có thể là căn nhà hay lán trại đơn giản nhưng phải đảm bảo thông thoáng, sáng sủa, tránh gió lùa, mưa nắng hắt trực tiếp vào dê, mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Nền chuồng phải phẳng, nhẵn để dễ quét dọn vệ sinh, có rãnh thoát nước, phân và nước tiểu.

2. Cũi lồng chuồng dê

Cũi lồng chuồng dê có thể làm bằng tre, gỗ hoặc các nguyên liệu sẵn có. Tất cả đều phải đảm bảo chắc chắn, gọn gàng không để dê chui qua, lọt chân, gây chấn thương xây xước da. Kích thước của một cũi lồng phù hợp là: cao 1,5-1,8m, chiều rộng (phía trước) là 1,2-1,4, chiều dài (sâu vào) 1,3-1,5m. Diện tích của ngăn lồng chuồng đó là 1,5-1,8m² đủ nhốt một con dê giống và đàn con theo mẹ hoặc nhốt 2-3 con dê con vỗ béo. Phần kỹ thuật rất quan trọng của cũi lồng là đáy lồng chuồng. Đáy lồng chuồng phải cao cách mặt đất 0,5-0,8m. Đáy nên làm bằng những thanh gỗ thẳng, bản rộng 2-2,5cm được đóng thành rít có khe hở 1-1,5 cm đủ để phân dê lọt được dễ dàng. Lưới cỏ nên đặt ở phía trước, ngoài thành lồng, có lỗ để dê thò đầu ra ngang tầm vai để dê lấy được thức ăn và tránh được thức ăn rơi vãi ra ngoài. Máng thức ăn tinh có thể treo bên trong lồng, cạnh cửa. Cánh cửa của cũi lồng làm sao đóng mở được dễ dàng, chắc chắn.



Hình 3: Chuồng nuôi dê



Hình 4: Kiểu chuồng một dãy có chia ngăn

III. PHIẾU THEO DÕI NĂNG SUẤT GIỐNG DÊ

Để theo dõi năng suất giống dê làm cơ sở chọn lọc giống, chúng ta cần ghi chép số liệu cá thể theo mẫu phiếu như sau:

LÝ LỊCH DÊ CÁI GIỐNG

Số hiệu: Giống:

Ngày sinh: Nơi sinh:

Bố: Mẹ:

Kết quả sản xuất

Ngày phối giống	Số hiệu đực giống	Ngày đẻ	Số con sơ sinh sống	Số con sơ sinh chết	Chu kỳ tiết sữa (Ngày)	Năng suất sữa (lít/ngày)	Ghi chú

LÝ LỊCH DÊ Đực GIỐNG

Số hiệu: Giống:

Ngày sinh: Nơi sinh:

Bố: Mẹ:

Kết quả sản xuất

Năm sản xuất	Kết quả kiểm tra tinh dịch	Số lần phối giống	Tỷ lệ thụ thai (%)	Số con sơ sinh sống	Số con cai sữa	Tổng trọng lượng cai sữa (kg)	Ghi chú

IV. MỘT SỐ THAO TÁC KỸ THUẬT THÔNG THƯỜNG KHÁC

Đánh số hiệu dê theo 3 phương pháp sau đây:

Đánh số chín



Đeo số



Cắt số tai



Xem răng tính tuổi:

1. Răng cửa giữa;

3 tháng tuổi



2. Răng cửa bên;

1 năm tuổi



3. Răng áp góc;

1 năm rưỡi



4. Răng góc

2 năm tuổi



Đủ răng sữa

2 năm chín tháng



Răng sữa

3 năm chín tháng



Thay 2 răng cửa giữa

Gần 6 năm tuổi



Thay 2 răng cửa bên

Trên 7 năm tuổi



Thay 2 răng áp góc

Thay 2 răng góc

Chân răng hở ra

Chân răng hở và lung lay

Khử sừng dê



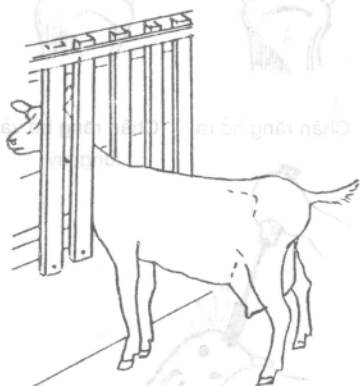
Một số phương pháp bắt giữ dê



Xem răng



Kiểm tra mắt

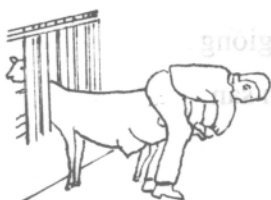


Cũi dê

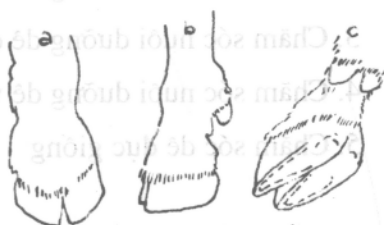




Cắt móng chân dê



Vệ sinh móng chân dê



Móng chân sau khi cắt

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ SỮA Ở GIA ĐÌNH	
I. Giống và kỹ thuật về giống dê	5
1. Giới thiệu những giống dê hiện có ở Việt Nam	5
2. Kỹ thuật chọn giống dê sữa	8
3. Kỹ thuật nhân giống dê	13
II. Thức ăn và kỹ thuật nuôi dưỡng	14
1. Nhu cầu dinh dưỡng của dê	14
2. Nguồn thức ăn và kỹ thuật sử dụng thức ăn cho dê	18
III. Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng	20
1. Chăm sóc nuôi dưỡng dê con từ sơ sinh đến cai sữa (90 ngày tuổi)	20
2. Chăm sóc nuôi dưỡng dê hậu bị giống	23
3. Chăm sóc nuôi dưỡng dê cái sinh sản	24
4. Chăm sóc nuôi dưỡng dê vắt sữa	27
5. Chăm sóc dê đực giống	29

KỸ THUẬT QUẢN LÝ DÊ SỮA

I. Các phương thức chăn nuôi dê ở gia đình	30
1. Nuôi dê thâm canh	30
2. Nuôi dê bán thâm canh	31
3. Nuôi dê quảng canh	31
II. Chuồng trại nuôi dê	32
1. Chuồng dê	32
2. Cũi lồng chuồng dê	32
III. Phiếu theo dõi năng suất giống dê	37
IV. Một số thao tác kỹ thuật thông thường khác	37

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN CAO ĐOANH

Phụ trách bản thảo

ÁNH THỦY – BÍCH HOA

Trình bày, bìa

ĐỖ THỊNH

In 2000 bản, khổ 15 x 21 cm, tại xưởng in NXB NN. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 486/121 do Cục xuất bản cấp ngày 28/1/2003. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2004.

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

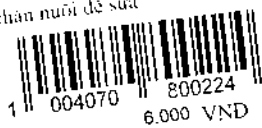
ĐT: 8.521940, 8.524501 - Fax: 04.5760748

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08 - 8299521, 8297157 - Fax: 08.9101036

chăn nuôi dê sữa



63 - 630
——— - 486/121 - 2003
NN - 2003

Giá : 6.000 đ